TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Sầm Dắt Phắn**.
2. Bà **Nguyễn Thị Liệu**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Thị Thúy D** - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Anh **Đỗ Văn T** - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018; bản tự khai ngày 10/5/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 18/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hồ Thị Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 02/02/2012. Chị và anh T chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham mê cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh T đã tự hòa giải nhiều lần với nhau nhưng vẫn không được nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Đỗ Hồng P sinh ngày 17/05/2013. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2018 bị đơn là anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 02/02/2012. Anh và chị D chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Anh và chị D đã sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên là Đỗ Hồng P sinh ngày 17/05/2013. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị Thúy D. Cho chị D được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2) Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng P sinh ngày 17/05/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Hồ Thị Thúy D chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đỗ Văn T hiện cư trú tại ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị D yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Hồ Thị Thúy D là nguyên đơn; anh Đỗ Văn T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn T nhưng anh T vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh T và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 02/02/2012. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị D và anh T hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị D, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên là Đỗ Hồng P sinh ngày 17/05/2013. Chị D đồng ý giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị D không cấp dưỡng nuôi con và anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Hồ Thị Thúy D chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Thúy D. Chị Hồ Thị Thúy D được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2) Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng P sinh ngày 17/05/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Hồ Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 004880 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị D đã nộp đủ án phí.

Chị Hồ Thị Thúy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã L.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn